

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Cầu, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 2 (tháng 1/2018)

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng lấy nước Đá Gân (cổng 10 cửa)	Trời mây mù, t° = 21°C, độ ẩm 86%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy trung bình, cổng mở,	Nước màu xanh, đục.	7.82	28.4	5.1	0.1	0.05	1.78	232	
2	2	Cổng điều tiết Lữ Yên	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 86%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy nhanh, cổng mở thông 2 cửa.	Nước màu xanh lục.	7.82	12.7	5.45	0.1	0.02	2.01	188	
3	3	Cổng điều tiết Lữ Vân	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 81%, gió ĐN 5 km/h. Dòng chảy vừa, cổng mở.	Nước màu xanh, đục.	7.54	30.5	6	0.1	0.01	2.76	222	
4	4	Cổng điều tiết	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 80%, gió	Nước màu	7.79	22.6	6.9	0.1	0.01	6.96	231	

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
		Vân Cầu	ĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở hé 2 cửa, H _{TL} 12.6m. Thượng lưu cống đọng nhiều rác thải.	xanh.								
5	5	Cống điều tiết Bỉ Nội	Trời hừng nắng, t° = 23°C, độ ẩm 80%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở hé. Thượng lưu 1 bên cống đọng nhiều rác.	Nước màu xanh.	7.76	12.6	6.58	0.1	0.01	5.66	231	
6	6	Cống điều tiết Mỏ Thổ	Trời hừng nắng, t° = 23°C, độ ẩm 80%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở. Trên kênh nhiều rác thải.	Nước đục.	7.86	51.4	7.26	0.1	0.01	5.71	213	
7	7	Cống điều tiết Điểm Tổng	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 78%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở 1 cánh. Thượng lưu cống nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.82	23.1	6.36	0.1	0.01	4.97	231	
8	8	Cống lấy nước đầu kênh N2	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 86%, gió Đông 6 km/h.	Nước màu xanh,	7.82	28	5.91	0.1	0.01	2.27	220	

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			Dòng chảy trung bình.	đục.								
9	9	Cổng điều tiết Lăng Trình	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 90%, gió ĐĐN 5 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở. Thượng lưu cống đọng nhiều rác thải.	Nước đục.	7.8	19.2	5.81	0.1	0.01	2.87	210	
10	10	Cổng điều tiết Kè Thường	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 68%, gió ĐN 11 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở. Trên kênh nhiều rác thải.	Nước màu xanh.	7.96	25.2	7.2	0.1	0.01	3.98	234	
11	11	Cổng điều tiết Kè Thẽ	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 75%, gió NĐN 11 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở 2 cánh. Thượng lưu cống nhiều rác thải.	Nước màu xanh.	7.84	35.1	6.16	0.1	0.01	4.08	225	
12	12	Cổng điều tiết Kè Non	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 75%, gió NĐN 11 km/h. Dòng chảy vừa . cống mở. H _{HL} 14.7m. Thượng lưu cống nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.83	25.9	5.87	0.1	0.01	4.38	236	

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
13	13	Cuối kênh N5 tại chợ Mọc	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 79%, gió NĐN 11 km/h. Dòng chảy vừa. Vị trí lấy mẫu gần công trường xây dựng.	Nước màu xanh, đục.	7.84	40.9	6.65	0.1	0.01	4.8	233	
14	14	Cống điều tiết An Cập	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 70%, gió ĐN 9 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở.	Nước màu xanh, đục.	7.84	49.2	6.02	0.1	0.01	3.68	235	
15	15	Cống Kè Tràng trên kênh N3	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 72%, gió NĐN 10 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở.	Nước màu xanh, đục.	7.67	35	5.4	0.1	0.01	4	234	

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.